

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cụm công trình thủy lợi vùng cao Bảy Núi, tỉnh An Giang

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Xét Công văn số 2623/STNMT-MT ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cụm công trình thủy lợi vùng cao Bảy Núi, tỉnh An Giang và Văn bản số 2198/SNNPTNT-QLXDCT ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cụm công trình thủy lợi vùng cao Bảy Núi, tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cụm công trình thủy lợi vùng cao Bảy Núi, tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cụm công trình thủy lợi vùng cao Bảy Núi, tỉnh An Giang (sau đây gọi là Dự án) của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại huyện Tri Tôn và huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *sc.05*

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ TN&MT;
- Bộ NN&PTNT;
- UBND tỉnh;
- Các Sở: XD, KHCN, CT, GTVT;
- UBND huyện: Tri Tôn, Tịnh Biên;
- Ban Giám đốc;
- Trung tâm PVHCC tỉnh An Giang;
- Trung tâm CNTT&TNMT (công khai thông tin);
- Phòng TNMT: huyện Tri Tôn, Tịnh Biên;
- UBND xã: An Cư, An Nông, An Hào, Ô Lâm, Châu Lăng, Lê Trì;
- CCBVMT, P.KSN&BĐKH, Thanh tra Sở;
- Lưu: VT. *sc*

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Trí

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
CỤM CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÙNG CAO BẢY NÚI, TỈNH AN GIANG**
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-STNMT ngày .. tháng .. năm 2022
của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Cụm công trình thủy lợi vùng cao Bảy Núi, tỉnh An Giang.
- Địa điểm thực hiện: trên địa bàn các xã Lê Trì, Châu Lăng, Ô Lâm của huyện Tri Tôn và các xã An Cư, An Nông, An Hảo của huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.
- Chủ dự án đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Địa chỉ liên hệ: số 07 đường Lê Triệu Kiết, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi, quy mô:
 - + Dự án bao gồm các trạm bơm, nhà quản lý trạm bơm, hệ thống kênh dẫn và các công trình trên kênh, đường quản lý vận hành nối các trạm bơm.
 - + Tổng diện tích sử dụng đất của dự án là 23,63 ha. Trong đó, diện tích sử dụng đất vĩnh viễn 11,84 ha, diện tích sử dụng đất tạm thời 11,79 ha.
 - + Tọa độ các trạm bơm:

Khu tưới	Tên Trạm bơm	Hệ tọa độ (VN2000 múi chiếu 3 ^o)	
		X	Y
Khu tưới 3-2	Trạm bơm 3-2 (cấp 1)	1164651,975	522415,194
	Trạm bơm 3-2 (cấp 2)	1164703,353	523012,237
	Trạm bơm 3-2 (cấp 2-Nhánh 2)	1164467,237	522873,523
	Trạm bơm An Nông 3 (cấp 2)	1166250,886	521535,703
Khu tưới Lê Trì	Trạm bơm Lê Trì 1 (cấp 1)	1161557,257	519225,945
	Trạm bơm Lê Trì 2 (cấp 2)	1161552,019	521577,937
Khu tưới Châu Lăng	Trạm bơm Châu Lăng 1 (cấp 1)	1154733,710	525220,881
	Trạm bơm Châu Lăng 2 (cấp 2)	1155534,817	525033,133
Khu tưới Ô Lâm	Trạm bơm Ô Lâm số 1 (cấp 1)	1145706,634	522762,299
	Trạm bơm Ô Lâm số 2 (cấp 2)	1144716,269	526872,013

- + Tọa độ các tuyến kênh chính:

Mb

sonlun5



Khu tưới	Kênh chính	Hệ tọa độ (VN2000 múi chiều 3 ^o)			
		Điểm đầu		Điểm cuối	
		X	Y	X	Y
3-2	Kênh TB 3-2 (cấp 1)	1164653,201	522426,442	1167144,248	529147,337
	Kênh TB 3-2 (cấp 2)	1164706,843	523023,353	1165682,576	529047,268
	Kênh TB 3-2 (cấp 2-Nhánh 2)	1164462,336	522889,547	1164983,694	526238,403
	Kênh TB An Nông 3 (cấp 2)	1166226,514	521568,202	1169456,867	522125,373
Lê Trì	Kênh TB Lê Trì 1 (cấp 1)	1161543,912	519232,525	1161507,719	521599,429
	Kênh TB Lê Trì 2 (cấp 2)	1161483,116	521611,330	1161025,821	521856,301
Châu Lãng	Kênh TB Châu Lãng 1 (cấp 1)	1154734,806	525215,364	1155535,725	525039,807
	Kênh TB Châu Lãng 2 (cấp 2)	1155542,082	525031,548	1154879,524	523292,411
Ô Lâm	Kênh TB Ô Lâm 1 (cấp 1)	1145710,387	522761,296	1146525,867	523480,210
	Kênh TB Ô Lâm 2 (cấp 2)	1144729,332	526873,234	1145668,615	524912,685

- Diện tích tưới: chủ động nguồn nước tưới cho 4.638 ha đất sản xuất nông nghiệp (đảm bảo tưới theo diện tích thiết kế của các trạm bơm hiện có 3.143 ha và mở rộng 1.495 ha).

- Công suất: tổng lượng nước khai thác, sử dụng nước mặt của dự án là 1,983 m³/s.

TT	Tên khu tưới - trạm bơm	Công suất máy bơm hoạt động cùng 01 thời điểm	Diện tích tưới hiện trạng (ha)	Diện tích tưới mở rộng (ha)	Quy mô đầu tư	Lưu lượng thiết kế (m ³ /s)	Nguồn nước khai thác
I	Khu tưới 3-2		1.299	600		0,792	
1	Trạm bơm 3-2 (cấp 1)	3 máy x 950 m ³ /h	750	0	Cải tạo	0,792	Kênh 3-2 (lấy nước từ kênh Vĩnh Tế)
2	Trạm bơm 3-2 (cấp 2)	1 máy x 550 m ³ /h	428	0	Cải tạo	0,153	Nguồn nước lấy từ bể xả trạm bơm 3-2 (cấp 1)
3	Trạm bơm 3-2 (Cấp 2-Nhánh 2)	1 máy x 850 m ³ /h + 1 x 300m ³ /h	121	357	Cải tạo	0,319	Nguồn nước lấy từ bể xả trạm bơm 3-2 (cấp 1)
4	Trạm bơm An Nông 3 (Cấp 2)	2 máy x 550 m ³ /h	0	243	Làm mới	0,305	Nguồn nước lấy từ bể xả trạm bơm 3-2 (cấp 1)
II	Khu tưới Lê Trì		1.264	350		0,469	
1	Trạm bơm	2 máy x 845	900	0	Cải tạo	0,469	Kênh 24 (là

Handwritten signature

Handwritten signature

TT	Tên khu tưới - trạm bơm	Công suất máy bơm hoạt động cùng 01 thời điểm	Diện tích tưới hiện trạng (ha)	Diện tích tưới mở rộng (ha)	Quy mô đầu tư	Lưu lượng thiết kế (m ³ /s)	Nguồn nước khai thác
	Lê Trì 1 (cấp 1)	m ³ /h					kênh cấp 2 của kênh Vĩnh Tế
2	Trạm bơm Lê Trì 2 (cấp 2)	2 máy x 845m ³ /h	364	350	Cải tạo	0,469	Nguồn nước lấy từ bể xả trạm bơm Lê Trì 1 (cấp 1)
III	Khu tưới Châu Lăng		580	368		0,472	
1	Trạm bơm Châu Lăng 1 (cấp 1)	2 máy x 850 m ³ /h	390	0	Cải tạo	0,472	Kênh Châu Lăng 2 (lấy nước từ Kênh Tám Ngàn)
2	Trạm bơm Châu Lăng 2 (cấp 2)	2 máy x 845 m ³ /h	190	368	Làm mới	0,469	Lấy nguồn từ trạm bơm Châu Lăng 1 (cấp 1)
IV	Khu tưới Ô Lâm		0	177		0,25	
1	Trạm bơm Ô Lâm số 1 (Cấp 1)	2 máy x 450 m ³ /h	0	0	Làm mới	0,25	Kênh Sườn 8 (lấy nước từ Kênh Ninh Phước 1)
2	Trạm bơm Ô Lâm số 2 (cấp 2)	2 máy x 450 m ³ /h	0	177	Làm mới	0,25	Lấy nguồn từ trạm bơm Ô Lâm 1 (cấp 1)

1.3. Công nghệ vận hành

Quy trình vận hành của dự án: Nước mặt từ kênh, mương → Hệ thống trạm bơm → Hệ thống kênh chính → Hệ thống kênh nhánh → Khu tưới.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình (các thông số kỹ thuật chi tiết được thể hiện tại Mục 1.2 Chương I của báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt)

- Hạng mục công trình chính:

+ Hệ thống các trạm bơm cho 04 khu tưới (3-2, Ô Lâm, Châu Lăng, Lê Trì).

+ Hệ thống các tuyến kênh (kênh chính: quy mô đường ống 8.332 m, quy mô kênh hở 13.951 m; kênh cấp 1, 2: quy mô 28.171 m) và các công trình trên kênh (hố thăm, hố van xả cặn, cống qua đường, bể xả, cống tưới, cống tiêu,...).

- Hạng mục công trình phụ trợ:

+ Nhà quản lý trạm bơm được xây dựng để quản lý trạm bơm cho 4 khu tưới gồm: Khu tưới 3-2 (45 m²); Khu tưới Lê Trì (45 m²); Khu tưới Châu Lăng (45 m²) và khu tưới Ô Lâm (45 m²).

Chub

houlus

+ Hệ thống cấp điện (đường dây trung thế, trạm biến áp,...), cấp nước; đường quản lý vận hành nổi trạm bơm,...

- Hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

+ Bố trí tại mỗi nhà quản lý trạm bơm: nhà vệ sinh có hầm tự hoại 03 ngăn để thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt; 01 thùng chứa rác sinh hoạt dung tích 120 lít; 01 thùng chuyên dụng chứa chất thải nguy hại dung tích 120 lít.

+ Các công trình đảm bảo dòng chảy tối thiểu, bảo tồn đa dạng sinh học; công trình giảm thiểu tác động do sạt lở, sụt lún, xói lở, bồi lắng, nhiễm mặn, nhiễm phèn.

+ Lập và thực hiện các quy trình vận hành đảm bảo khai thác an toàn cho công trình.

1.4.2. Các hoạt động của dự án

- Hoạt động giải phóng và chuẩn bị mặt bằng xây dựng.

- Hoạt động vận chuyển, tập kết máy móc, thiết bị; nguyên, nhiên, vật liệu,... phục vụ quá trình thi công xây dựng dự án.

- Hoạt động xây dựng dự án (đầu tư xây mới, cải tạo hệ thống các trạm bơm; xây dựng hệ thống kênh và các hạng mục công trình phụ trợ).

- Hoạt động khai thác và cung cấp nước tưới cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại dự án.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Diện tích sử dụng đất vĩnh viễn 11,84 ha (bao gồm: đất trồng lúa: 7,70 ha; đất ở nông thôn: 0,13 ha; đất thủy lợi: 0,12 ha; đất giao thông: 0,01 ha; đất trồng cây lâu năm: 2,84 ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác: 1,04 ha).

- Diện tích sử dụng đất tạm thời 11,79 ha (dùng làm lán trại, bãi tập kết vật liệu, đường tạm: các hạng mục này sẽ hoàn trả cho người dân, địa phương sau khi thi công công trình xong (không thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất)).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động chiếm dụng đất, giải phóng mặt bằng tác động đến đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án.

- Hoạt động thi công xây dựng dự án: nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng, chất thải rắn xây dựng, bùn đất thải; chất thải nguy hại từ máy móc thiết bị phục vụ thi công xây dựng; bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, thi công xây dựng; tiếng ồn, độ rung từ hoạt động thi công xây dựng.

- Hoạt động vận hành dự án: nước thải sinh hoạt của công nhân vận hành; nước mưa chảy tràn; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân; chất thải nguy hại; bụi, khí thải từ quá trình hoạt động của các loại máy móc, thiết bị

Như

Đinh

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

* *Giai đoạn thi công xây dựng:*

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động của công nhân viên làm việc tại dự án với lưu lượng khoảng $36 \text{ m}^3/\text{ngày}$; thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD_5), tổng Nitơ, tổng Phospho, Coliform.

+ Nước thải xây dựng: phát sinh chủ yếu từ hoạt động rửa cốt liệu, vận chuyển vật liệu, máy trộn bê tông với khối lượng khoảng $462,7 \text{ m}^3/\text{ngày}$; thành phần chủ yếu: COD, dầu mỡ, chất rắn lơ lửng (SS).

+ Nước thải phát sinh khi nạo vét các bể hút, bể xả của các trạm bơm với lưu lượng khoảng $20 - 35 \text{ m}^3/\text{trạm}$; thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS).

+ Nước mưa chảy tràn: phát sinh khoảng $1.030 \text{ m}^3/\text{ngày}$; thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng (SS).

- Bụi, khí thải: phát sinh từ hoạt động của hoạt động phá dỡ công trình cũ, hoạt động đào đắp, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy trộn bê tông; thành phần chủ yếu: bụi, SO_2 , NO_x , CO.

* *Giai đoạn vận hành:*

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động của nhân viên vận hành tại các nhà quản lý trạm bơm với lưu lượng khoảng $0,32 - 0,48 \text{ m}^3/\text{ngày}$. 01 nhà quản lý trạm bơm; thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD_5), tổng Nitơ, tổng Phospho, Amoni, dầu mỡ, Coliform.

- Nước mưa chảy tràn: với lượng thải không đáng kể; chứa hàm lượng cặn lơ lửng, chất thải rắn hiện diện trên bề mặt có mưa chảy tràn đi qua.

- Bụi, khí thải: giai đoạn này không phát sinh bụi, khí thải.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

* *Giai đoạn thi công xây dựng:*

- Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động của công nhân viên làm việc tại dự án với khối lượng khoảng $225 \text{ kg}/\text{ngày}$; thành phần chủ yếu: các loại thức ăn thừa, túi nilon, bao gói thực phẩm, chai nhựa,...

- Chất thải rắn xây dựng: phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng các công trình với khối lượng khoảng $4.258,5 \text{ kg}/\text{ngày}$; thành phần chủ yếu: xi măng, gạch, đá, sắt thép, gỗ, giấy,...

- Bùn đất thải: phát sinh từ quá trình bóc đất hữu cơ, đào đắp thi công các hạng mục của dự án ước tính khoảng 15.006 m^3 .

- Bùn nạo vét bể hút, bể xả của các trạm bơm ước tính khoảng $30 - 65 \text{ m}^3/\text{trạm}$.

Chub

denlun5

- Chất thải nguy hại: phát sinh khoảng 70,8 kg/tháng; thành phần chủ yếu: dầu, giẻ lau, găng tay dính dầu, chất thải nguy hại phát sinh từ khu vực văn phòng (bóng đèn huỳnh quang, pin, ắc quy và các loại kim loại sắc nhọn, bao bì cứng các loại). Dầu mỡ thải của các thiết bị máy móc khoảng 259 lít/tháng.

* *Giai đoạn vận hành:*

- Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động của nhân viên vận hành tại các nhà quản lý trạm bơm với khối lượng khoảng 2 - 3 kg/ngày.01 nhà quản lý trạm bơm; thành phần chủ yếu: các loại thức ăn thừa, túi nilon, bao gói thực phẩm, chai nhựa,...

- Chất thải nguy hại: phát sinh khoảng 4,3 kg/tháng; thành phần chủ yếu: các loại dầu bôi trơn, dầu mỡ rò rỉ khi bảo dưỡng định kỳ, giẻ lau nhiễm dầu, mỡ, bóng đèn huỳnh quang, pin,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các loại máy móc, thiết bị phục vụ việc thi công xây dựng dự án.

- Tiếng ồn của hệ thống trạm bơm điện trong quá trình vận hành dự án.

3.4. Các tác động khác

- Tác động của việc chiếm dụng đất: dự án thu hồi vĩnh viễn 11,84 ha, trong khu vực giải phóng mặt bằng phần lớn là đất nông nghiệp (đất trồng lúa 7,70 ha, đất trồng cây lâu năm 2,84 ha, đất trồng cây hàng năm 1,04 ha) và khoảng 12 hộ dân bị ảnh hưởng đất ở. Tuy nhiên, công trình sau khi được hoàn thành và đưa vào sử dụng sẽ đảm bảo nguồn nước tưới cho sản xuất và đời sống của người dân, là nền tảng xây dựng nông thôn mới, tăng năng suất, sản lượng và nâng cao thu nhập, mức sống cho người dân huyện Tri Tôn và huyện Tịnh Biên.

- Tác động của hiện tượng bồi lắng do mưa lớn cuốn theo đất, đá trên bề mặt công trường gây bồi lắng hệ thống cống thoát nước dọc theo tuyến kênh, xung quanh điểm thi công trạm bơm.

- Tác động đến hệ sinh thái trong khu vực.

- Tác động đến giao thông đi lại tại khu vực.

- Tác động đến xã hội, đời sống người dân.

- Các sự cố trong quá trình thi công: tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố cháy nổ, chập điện,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

* *Giai đoạn thi công xây dựng:*

- Nước thải sinh hoạt: bố trí tại mỗi khu vực thi công 01 nhà vệ sinh di động dung tích 0,5 m³; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển, xử lý khi đầy bể, không xả thải ra môi trường.

- Nước thải xây dựng: bố trí tại mỗi khu vực thi công 01 bể lắng kích thước (2,2 x 1,5 x 1,2 m) để thu gom, lắng cặn nước thải từ hoạt động vệ sinh phương tiện, thiết bị thi công và 01 hố lắng kích thước (5 x 5 x 2,5 m) để thu gom, lắng cặn nước rửa cốt liệu. Toàn bộ nước thải sau khi lắng cặn được tận dụng lại vào hoạt động rửa cốt liệu, làm ẩm vật liệu trước khi thi công, không xả thải ra môi trường.

- Nước thải phát sinh khi nạo vét các bể hút, bể xả của các trạm bơm: đã được thống nhất với người dân là tháo vào các ô ruộng quanh các trạm bơm.

- Nước mưa chảy tràn: xây dựng tại mỗi vị trí thi công và bãi tập kết vật liệu thi công hệ thống rãnh thoát nước kết cấu đất cấp phối với bề rộng 30 cm, sâu 30 cm và 02 hố lắng kết cấu đất cấp phối kích thước (6 x 6 x 1,5 m) có song chắn rác và lưới sắt trên bề mặt để thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trước khi thải ra môi trường.

** Giai đoạn vận hành:*

- Nước thải sinh hoạt: tại mỗi nhà quản lý trạm bơm xây dựng 01 bể tự hoại 03 ngăn với kích thước (2 x 1,6 x 1,6 m) để thu gom và xử lý nước thải trước khi thoát ra cống thu gom nước thải chung hoặc kênh rạch xung quanh.

- Nước mưa chảy tràn: hệ thống tiêu thoát nước trên các tuyến kênh và công trình đã được thiết kế, xây dựng đảm bảo hiệu quả; thường xuyên kiểm tra hệ thống cống, mương thoát nước mưa.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành, không thải nước thải chưa qua xử lý đạt yêu cầu ra môi trường; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản có liên quan.

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải thi công xây dựng trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.1.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:

- Sử dụng nhiên liệu ít gây ô nhiễm môi trường.

- Sử dụng các máy móc thi công được bảo dưỡng đúng và thời hạn không quá cũ để giảm thiểu khí thải từ máy thi công.

- Trong giai đoạn triển khai xây dựng, vệ sinh tuyến đường vận chuyên, che phủ bạt kín thùng xe vận chuyên, che chắn các đồng vật liệu; không vận chuyên chất thải vào giò cao điểm.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh từ dự án; tuân thủ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

** Giai đoạn thi công xây dựng:*

- Chất thải sinh hoạt: bố trí tại mỗi vị trí thi công xây dựng 03 thùng rác chuyên dụng có nắp đậy, dung tích 120 lít để thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt; thuê đơn vị có chức năng vận chuyên, xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải xây dựng:

+ Đối với chất thải rắn phát sinh từ quá trình phá dỡ công trình cũ, bóc lớp đất đá bề mặt tại các vị trí thi công các hạng mục công trình: ưu tiên cho người dân bị ảnh hưởng đất khu vực dự án tận dụng lại toàn bộ lượng đất hữu cơ đào để trồng cây, san lấp ruộng trồng; phần còn lại được bố trí đổ tạm thời trong phạm vi diện tích đất thi công của các công trình: đất đá sau khi phá dỡ công trình sẽ được thu gom và tập kết tại các bãi đất trống tại khu vực diện tích đất sử dụng của công trình, xung quanh có đào rãnh thoát nước mưa để tránh gây ảnh hưởng đến nguồn nước mặt và gây bồi lắng khu vực công trình. Sau khi thi công hạng mục các công trình trạm bơm, kênh, cống, lượng đất đá này sẽ được tận dụng làm đất san lấp hồ xói, khu đất trồng tại khu vực công trình thi công ngay nhằm giảm thiểu diện tích bãi thải tạm thời cũng như hạn chế hoạt động vận chuyên gây ảnh hưởng môi trường, chi phí vận chuyên,... Trường hợp nếu có dư thừa đất đào, bóc hữu cơ, phải vận chuyên ra ngoài, cần phải xin cấp phép của cơ quan có thẩm quyền trước khi chuyên đi.

+ Đối với phế thải phát sinh từ hoạt động xây dựng: thực hiện đồng bộ các giải pháp sau: khi đổ thải, đất đá sẽ được đổ theo từng lớp và san lấp bằng phẳng; sau khi công trình hoàn thành, đơn vị thi công sẽ tiến hành thu dọn, vệ sinh sạch sẽ bề mặt công trình để giữ vệ sinh cho khu vực; thuê đơn vị có chức năng vận chuyên, xử lý phế thải phát sinh từ hoạt động xây dựng theo đúng quy định xử lý chất thải hiện hành.

- Phần bùn nạo vét trong các bể hút, xả của trạm bơm là rất nhỏ, theo kết quả phân tích là không có độc tố, hoàn toàn có thể sử dụng cho việc bồi đắp vườn cây hoặc san ruộng, không vận chuyên ra khỏi khu vực dự án.

** Giai đoạn vận hành:*

- Chất thải sinh hoạt: tại mỗi nhà quản lý trạm bơm bố trí 01 thùng chứa rác sinh hoạt dung tích 120 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom tại địa phương để thu gom xử lý theo đúng quy định.

Thub

2025

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

* Giai đoạn thi công xây dựng:

- Tại mỗi vị trí thi công xây dựng của mỗi công trường thi công, bố trí 01 thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy dung tích khoảng 120 lít, phía ngoài có gắn nhãn, thùng chứa chất thải nguy hại được đặt tại 01 kho lưu trữ có diện tích khoảng 6 m² có mái che và xa nguồn nước; thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

* Giai đoạn vận hành:

- Tại mỗi nhà quản lý trạm bơm bố trí 01 thùng chứa chất thải nguy hại dung tích 120 lít có nắp đậy kín, ghi rõ “Thùng chứa chất thải nguy hại”; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của luật bảo vệ môi trường hiện hành.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng cùng một thời điểm nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị máy móc đảm bảo hoạt động ổn định với tiếng ồn và độ rung thấp nhất.

- Tránh thi công vào ban đêm và giờ nghỉ của người dân vùng gần với công trình thi công của dự án.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; các quy chuẩn kỹ thuật, quy định hiện hành khác về môi trường, độ ồn, rung động và các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Biện pháp giảm thiểu tác động kinh tế - xã hội: đảm bảo cuộc sống cho những gia đình bị ảnh hưởng đến nhà ở cho xây dựng công trình; thực hiện tốt vấn đề đền bù sao cho tốt hơn hoặc bằng với trước khi bị thu hẹp diện tích nơi ở, bên cạnh việc đền bù thỏa đáng, đúng chính sách, chế độ, cần có thêm các chính sách khuyến khích động viên các hộ bị ảnh hưởng: cấp đất, ưu tiên tuyển lao động cho xuất khẩu, bố trí việc làm,...

Chub

khúc

- Biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, tai nạn giao thông: bố trí đèn chiếu sáng vào ban đêm tại các vị trí xây dựng; tuân thủ đúng quy định về sử dụng, vận hành các trang thiết bị, máy móc thi công; tuyên truyền các thông tin về vệ sinh, an toàn lao động cho cán bộ, công nhân; khám bệnh định kỳ cho cán bộ, công nhân; thông báo cho chính quyền địa phương và các hộ dân sống gần khu vực dự án về kế hoạch thi công xây dựng và ngày bắt đầu triển khai xây dựng; tổ chức cắm đầy đủ biển báo tại các vị trí cần thiết thông báo tình trạng khu vực dự án, quy định tốc độ di chuyển tối đa của các phương tiện vận chuyển trên đường và trong công trường thi công; bố trí lịch trình vận chuyển vật liệu xây dựng, chất thải hợp lý, phủ bạt các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ, chập điện: ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn; xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy theo quy định và phổ biến cho cán bộ công nhân; trang bị đầy đủ các phương tiện phòng cháy chữa cháy theo quy định; lắp đặt các biển báo phòng cháy nổ tại khu vực dễ xảy ra cháy nổ; thường xuyên kiểm tra hệ thống đường dây điện, các mối điện, các thiết bị chuyển động phải được che chắn.

- Biện pháp giảm thiểu xói lở và bồi lắng do nạo vét: tạo các mương thoát nước (gồm rãnh dọc và công ngang để đảm bảo thoát nước tốt nhất vào những thời điểm xảy ra mưa lớn gây ngập lụt); thi công hệ thống công thoát nước sẽ được bố trí thi công vào mùa khô hay mùa kiệt của hệ thống sông và luôn đảm bảo khả năng thoát nước cho hệ thống các kênh mương của khu vực dự án.

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đất và trầm tích: quản lý chặt các nguồn chất thải (bao gồm chất thải rắn và lỏng) nhằm tránh tác động gây ô nhiễm đất; tập trung vật liệu tại những vị trí có nền đất rắn, tránh tập trung quá nhiều máy móc thiết bị, xe cộ có trọng tải lớn tại cùng một điểm, tránh phá vỡ kết cấu đất; tiến hành kiểm tra thành phần hóa học của đất trước khi đào bới để hạn chế việc tác động đến tầng sinh phèn tiềm tàng, trường hợp đào phải khối đất nhiễm phèn thì phải có biện pháp bảo vệ phù hợp; bảo vệ lớp đất mặt bằng cách sử dụng các loại thảm phủ tự nhiên (cỏ, cây,...).

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn xây dựng

5.1.1. Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: đường vận chuyển gần UBND xã Ô Lâm, Châu Lăng và Lê Trì (huyện Tri Tôn), UBND xã An Nông, An Cư (huyện Tịnh Biên).

- Số lượng mẫu: 5 mẫu/đợt.

- Chỉ tiêu: độ ồn, bụi, SO₂, CO, NO₂.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Thub

2015

5.1.2. Giám sát môi trường nước mặt, nước thải thi công

- Vị trí giám sát: 10 vị trí trạm bơm (04 trạm bơm tại Khu tưới 3-2; 02 trạm bơm tại Khu tưới Lê Trì; 02 trạm bơm tại Khu tưới Châu Lăng; 02 trạm bơm tại Khu tưới Ô Lâm).

- Số lượng mẫu: 10 mẫu/đợt.

- Thông số giám sát: độ đục, pH, độ mặn, DO, TSS, BOD₅, dầu mỡ khoáng, Amoni, Coliform, Fe, Al³⁺.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

5.1.3. Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường như sau:

- Dự án chỉ được phép triển khai khi được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện khoanh định ranh giới dự án; tổ chức hoạt động theo đúng phạm vi tọa độ, diện tích được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành.

- Chủ dự án chịu trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương thông báo rộng rãi để nhân dân trong khu vực dự án biết về thời gian và địa điểm thi công; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án.



- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý, tổ chức thi công khai thác phù hợp nhằm giảm thiểu những tác động xấu đến hệ sinh thái thủy sinh, cảnh quan, môi trường, chất lượng nước sông, dòng chảy và những ảnh hưởng bất lợi đến các hoạt động canh tác nông nghiệp, kinh tế, dân sinh, giao thông ở các khu vực diễn ra các hoạt động của dự án.

- Xây dựng và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố tai nạn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; đầu tư các phương tiện, trang thiết bị cần thiết và có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng để phòng ngừa, ứng cứu và khắc phục các sự cố tràn dầu, cháy nổ và các rủi ro, sự cố môi trường khác có thể xảy ra.

- Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác. Số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan trong quá trình thực hiện dự án. Trường hợp có quy chuẩn môi trường mới thay đổi quy chuẩn này thì các chỉ tiêu giám sát và quy chuẩn so sánh được thực hiện theo quy chuẩn mới.

- Giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo mọi loại chất thải, nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Chủ dự án phải chịu trách nhiệm đối với các số liệu về quy mô, công suất hoạt động của dự án; công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

- Tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên nước và các quy hoạch đã được phê duyệt có liên quan trong quá trình thực hiện dự án./.

Nhb

2015